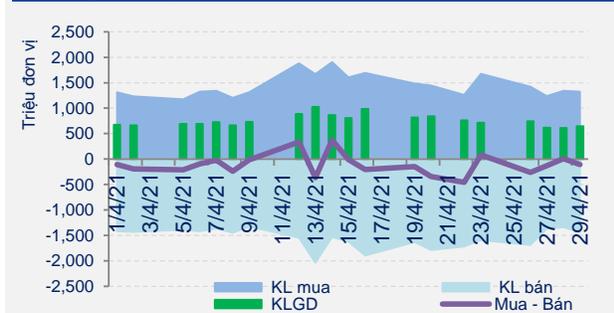


# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/4/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,239.39	281.75
% Thay đổi	↑ 0.80%	↓ -0.11%
KLGD (CP)	647,160,174	121,418,245
GTGD (tỷ đồng)	19,300.56	2,397.60
Tổng cung (CP)	1,433,740,100	138,434,200
Tổng cầu (CP)	1,323,751,000	117,771,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,054,630	959,054
KL mua (CP)	36,078,600	1,632,040
GT mua (tỷ đồng)	1,560.46	63.79
GT bán (tỷ đồng)	1,947.79	47.69
GT ròng (tỷ đồng)	(387.32)	16.10

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.08%	18.0	2.9	1.4%
Công nghiệp	↑ 0.12%	18.5	2.6	6.6%
Dầu khí	↑ 0.59%	42.5	1.8	1.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.06%	-	4.8	1.7%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.29%	15.7	2.3	0.7%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.58%	20.0	4.0	6.7%
Ngân hàng	↑ 1.74%	12.9	2.4	37.3%
Nguyên vật liệu	↑ 2.67%	14.2	2.3	18.1%
Tài chính	↓ -0.03%	20.6	3.1	24.8%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 1.41%	15.1	2.3	1.5%
VN - Index	↑ 0.80%	17.9	3.0	
HNX - Index	↓ -0.11%	16.4	2.2	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hồi phục phiên thứ ba liên tiếp với thanh khoản tiếp tục ở dưới mức trung bình. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 9,84 điểm (+0,8%) lên 1.239,39 điểm; HNX-Index giảm 0,32 điểm (-0,11%) xuống 281,75 điểm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 19.699 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 695 triệu cổ phiếu. Hai sàn trái chiều khiến độ rộng thị trường là trung tính với 319 mã tăng, 122 mã tham chiếu, 301 mã giảm. Thị trường tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì cho đến hết phiên giúp chỉ số VN-Index kết phiên ở mức cao nhất. Trong phiên ATC, việc các quỹ VFMVN Diamond ETF, VFM VN30 hay VNFin Lead thực hiện giao dịch để hoàn thành tái cơ cấu danh mục đầu tư kỳ tháng 4/2021 nên nhiều cổ phiếu thuộc danh mục của các quỹ này có biến động mạnh. Các mã như VPB (+6,4%), HPG (+3,7%), CTG (+2,6%), TCB (+2,6%), ACB (+2,5%)... đồng loạt tăng giá mạnh và góp phần kéo VN-Index. Chiều ngược lại, SAB (-1,6%), VHM (-1,6%), STB (-1,2%), MSN (-1%), VIC (-0,4%)... đều chìm trong sắc đỏ và gây áp lực lên VN-Index. Các cổ phiếu chứng khoán, dầu khí, thép... nhìn chung giao dịch khá tích cực với sắc xanh chiếm áp đảo.

## CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Cuối cùng thì sau 4 tuần tăng điểm liên tiếp, chỉ số VN-Index đã điều chỉnh trong tuần qua khi mà áp lực bán gia tăng mạnh trong phiên đầu tuần khiến chỉ số giảm mạnh và mặc dù sau đó là 3 phiên hồi phục liên tiếp, chỉ số VN-Index vẫn đóng cửa tuần bằng một cây nến đỏ. Theo đó, VN-Index vẫn đang nằm trong sóng điều chỉnh a với target gần nhất quanh ngưỡng 1.140 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Và thị trường có lẽ sẽ tiếp tục quá trình đi xuống để hoàn thành sóng điều chỉnh a trong tháng 5/2021. Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 5/2021 thấp hơn hơn VN30 hơn 11 điểm cho thấy các trader kỳ vọng thị trường sẽ giảm trở lại. Trong tuần giao dịch tiếp theo 4/5-7/5, thị trường có thể tiếp tục giảm về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn. Nhà đầu tư trung hạn mua vào trong các phiên 28/1-2/2 và nhà đầu tư ngắn hạn mua vào trong các phiên 24/3-26/3 đã chốt lời trong hai tuần trước đó nên đứng ngoài quan sát thị trường, chờ đợi những nhịp điều chỉnh sâu hơn để tham gia trở lại. Những nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng sóng tăng 5 có thể tiếp tục và trailing stop theo đường trung bình 20 ngày quanh ngưỡng 1.240 điểm đã bán ra trong tuần qua cũng đứng ngoài và quan sát trong tuần tới.

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 29/4/2021

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và được duy trì trong cả phiên giúp chỉ số kết phiên ở mức cao nhất. Kết phiên, VN-Index tăng 9,84 điểm (+0,8%) lên 1.239,39 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VPB tăng 3.500 đồng, HPG tăng 2.100 đồng, CTG tăng 1.050 đồng. Ở chiều ngược lại, VHM giảm 1.600 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 282,616 điểm. Nhưng từ khoảng 9h30 trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 281,022 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 0,32 điểm (-0,11%) xuống 281,75 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: BAB giảm 200 đồng, IDC giảm 600 đồng, DNP giảm 900 đồng. Ở chiều ngược lại, CEO tăng 600 đồng.

## GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 387,32 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2 triệu cổ phiếu. VPB là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 586,3 tỷ đồng tương ứng với 10,4 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VNM với 216,4 tỷ đồng tương ứng với 2,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 113,2 tỷ đồng tương ứng với 2 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 16,13 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 673 nghìn cổ phiếu. THD là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 16,8 tỷ đồng tương ứng với 90 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là ACM với 3,4 tỷ đồng tương ứng với 887 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 4,9 tỷ đồng tương ứng với 181 nghìn cổ phiếu.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

### CPI 4 tháng đầu năm 2021 tăng 0.89% so với cùng kỳ năm trước

Theo số liệu mới công bố của Tổng cục Thống kê thì chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2021 giảm 0.04% so với tháng trước, tăng 2.7% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 4 tháng đầu năm 2021, CPI tăng 0.89% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016; lạm phát cơ bản 4 tháng tăng 0.74%.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục trong phiên thứ ba liên tiếp với khối lượng khớp lệnh tăng nhẹ so với phiên trước đó nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu mua lên là không thực sự mạnh, chỉ số tăng chủ yếu do hoạt động tiết cung.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật vẫn là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với sóng tăng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng tăng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng tăng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vi sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng tăng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì target của sóng tăng 5 là quanh ngưỡng 1.250 điểm đã đạt được vào nửa đầu tháng 4/2021. Thực tế, thị sóng tăng 5 đã nở rộng được lên được gần 290 điểm khi VN-Index chạm đến ngưỡng 1.286 điểm trong phiên 20/4.

Do thị trường đóng cửa ba tuần liên tiếp ở dưới ngưỡng 1.250 điểm nên xác suất để thị trường nối dài sóng tăng 5 lên ngưỡng 1.325 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4) là thấp hơn so với khả năng thị trường chuyển sang sóng điều chỉnh a với target gần nhất quanh 1.140 điểm (fibonacci retracement 50% sóng tăng 5). Theo đó, trong tuần giao dịch tiếp theo 4/5-7/5, thị trường có thể tiếp tục giảm về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn.

Ngưỡng kháng cự gần nhất quanh 1.240 điểm (MA20) và ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.205 điểm (MA50).



## TIN TRONG NƯỚC

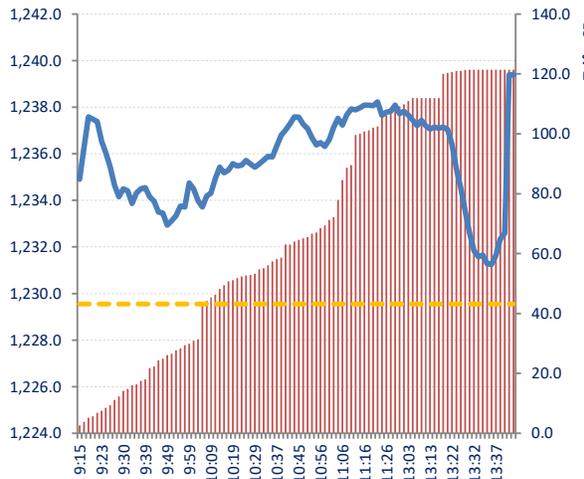
<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 55,2 - 55,6 triệu đồng/lượng, giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 200.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm giảm 2 đồng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 29/4 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.158 VND/USD, giảm 2 đồng so với hôm qua.

## TIN QUỐC TẾ

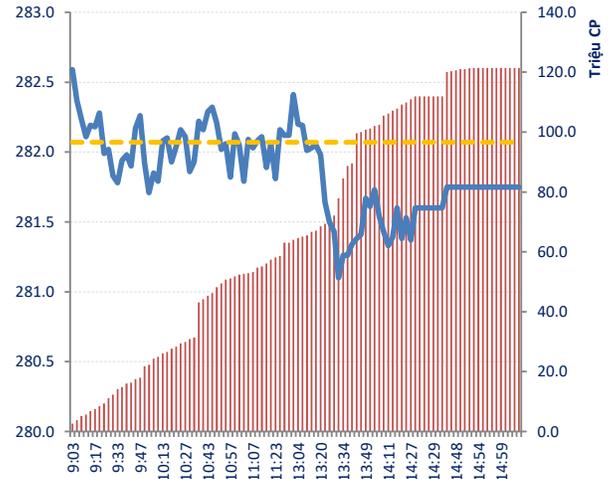
<b>Giá vàng thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 2,95 USD/ounce tương ứng với 0,17% lên 1.776,9 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,105 điểm tương ứng 0,12% lên 90,698 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,2113 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3936 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 108,97 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,5 USD/thùng tương ứng với 0,78% lên 64,36 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ giảm điểm</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 28/4, Dow Jones giảm 164,55 điểm tương đương 0,48% xuống 33.820,38 điểm. Nasdaq giảm 39,19 điểm tương đương 0,28% xuống 14.051,03 điểm. Nasdaq Composite giảm 3,54 điểm tương đương 0,08% xuống 4.183,18 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



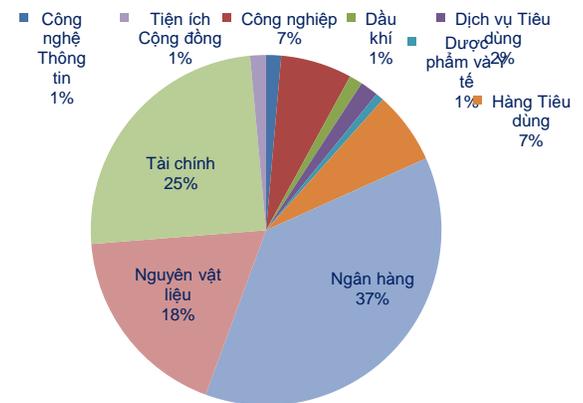
KLGD và HNX-Index trong phiên



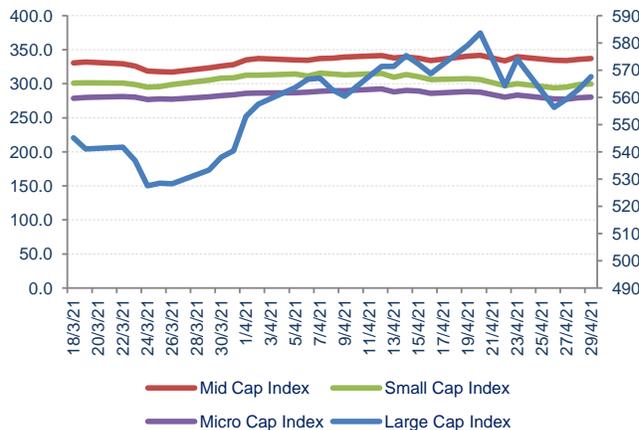
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



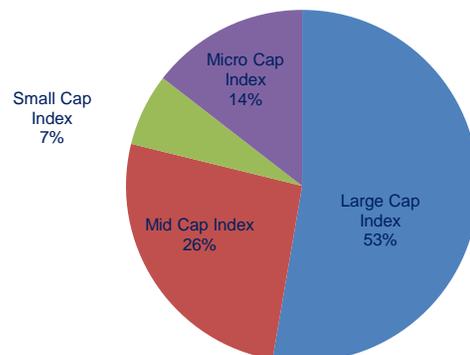
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	1,958,900	VPB	10,399,100
2	HDB	1,601,300	VNM	2,335,200
3	STB	1,493,400	ITA	660,500
4	VRE	1,370,000	TTF	432,100
5	MBB	1,286,600	VHM	416,600

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ACM	887,400	PVL	196,400
2	THD	89,600	SHB	181,000
3	CVN	41,500	MBS	44,700
4	CEO	36,600	KLF	30,100
5	TIG	30,000	OCH	24,800

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
VPB	55.00	58.50	↑	6.36%	41,536,000
STB	24.20	23.90	↓	-1.24%	39,661,400
FLC	11.05	11.05	⇒	0.00%	30,480,200
HPG	56.00	58.10	↑	3.75%	27,877,700
LPB	20.45	21.50	↑	5.13%	23,814,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
NVB	16.90	16.90	⇒	0.00%	34,671,242
SHB	27.40	27.40	⇒	0.00%	18,776,258
ACM	3.60	3.80	↑	5.56%	5,812,595
KLF	5.70	5.50	↓	-3.51%	5,740,441
VND	35.70	36.20	↑	1.40%	4,559,417

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
RIC	19.45	20.80	1.35	↑ 6.94%
DCL	28.80	30.80	2.00	↑ 6.94%
FUCTVGF1	11.55	12.35	0.80	↑ 6.93%
HSL	6.80	7.27	0.47	↑ 6.91%
TIX	29.00	31.00	2.00	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NAP	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
SVN	4.10	4.50	0.40	↑ 9.76%
CLM	30.00	32.90	2.90	↑ 9.67%
VIE	9.60	10.50	0.90	↑ 9.38%
THS	13.90	15.20	1.30	↑ 9.35%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ABS	69.80	65.00	-4.80	↓ -6.88%
TGG	4.00	3.75	-0.25	↓ -6.25%
PXT	2.65	2.50	-0.15	↓ -5.66%
EVG	12.50	11.80	-0.70	↓ -5.60%
DAT	26.40	25.00	-1.40	↓ -5.30%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NHC	31.50	27.60	-3.90	↓ -12.38%
VNT	80.10	72.10	-8.00	↓ -9.99%
HEV	15.20	13.70	-1.50	↓ -9.87%
GDW	35.50	32.00	-3.50	↓ -9.86%
HJS	35.50	32.00	-3.50	↓ -9.86%

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	41,536,000	21.9%	4,627	11.9	2.4
STB	39,661,400	3250.0%	1,487	16.3	1.6
FLC	30,480,200	1.3%	225	49.1	0.6
HPG	27,877,700	31.1%	5,472	10.2	2.8
LPB	23,814,400	16.0%	2,097	9.8	1.5

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	34,671,242	0.3%	27	633.5	1.6
SHB	18,776,258	14.2%	1,963	14.0	1.9
ACM	5,812,595	0.0%	2	1,531.7	0.5
KLF	5,740,441	-0.6%	(60)	-	0.5
VND	4,559,417	29.7%	5,456	6.5	1.7

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
RIC	↑ 6.9%	-9.4%	(1,071)	-	1.8
DCL	↑ 6.9%	7.4%	1,168	24.7	1.8
UCTVGF	↑ 6.9%	N/A	N/A	N/A	N/A
HSL	↑ 6.9%	5.9%	841	8.1	0.5
TIX	↑ 6.9%	12.0%	3,020	9.6	1.2

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NAP	↑ 9.9%	6.3%	683	13.3	0.8
SVN	↑ 9.8%	0.1%	6	724.2	0.4
CLM	↑ 9.7%	22.5%	3,901	7.7	1.7
VIE	↑ 9.4%	-3.5%	(226)	-	1.5
THS	↑ 9.4%	8.3%	1,180	11.8	1.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	1,958,900	31.1%	5,472	10.2	2.8
HDB	1,601,300	20.2%	3,089	8.7	1.6
STB	1,493,400	9.6%	1,487	16.3	1.6
VRE	1,370,000	9.2%	1,175	26.8	2.4
MBB	1,286,600	20.4%	3,635	8.3	1.6

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ACM	887,400	0.0%	2	1,531.7	0.5
THD	89,600	61.8%	6,774	27.6	4.3
CVN	41,500	20.0%	2,109	4.6	0.7
CEO	36,600	-1.9%	(261)	-	0.7
TIG	30,000	5.8%	801	17.5	1.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	444,790	4.3%	1,586	82.9	3.3
VCB	367,179	21.1%	4,975	19.9	3.9
VHM	331,912	31.2%	8,023	12.6	3.5
VNM	195,829	35.0%	5,313	17.6	5.8
HPG	185,544	31.1%	5,472	10.2	2.8

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	65,485	61.8%	6,774	27.6	4.3
SHB	47,964	14.2%	1,963	14.0	1.9
BAB	18,775	7.7%	897	29.6	2.2
VCS	14,288	39.1%	9,044	9.9	3.7
IDC	10,230	7.1%	1,015	33.6	2.3

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	2.46	6.1%	844	12.9	0.8
FTM	2.45	-60.2%	(4,068)	-	0.6
EVG	2.19	2.6%	264	47.3	1.0
PXS	2.17	1.2%	66	102.3	1.2
CTS	2.14	18.7%	2,444	6.0	1.1

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	3.33	0.0%	5	1,050.5	0.4
TDT	2.81	9.4%	1,118	10.4	0.9
WSS	2.55	2.0%	206	35.4	0.7
VIG	2.43	-2.0%	(113)	-	1.1
THD	2.37	61.8%	6,774	27.6	4.3



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

**Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---